

VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- Hiểu được đặc điểm và cơ cấu ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng với nhiều phân ngành khác nhau.
- Hiểu được nguồn lực, tình hình sản xuất và phân bố của mỗi phân ngành.

2. Về kĩ năng

- Chỉ ra được trên bản đồ vùng nguyên liệu (ví dụ vùng trồng bông cho công nghiệp dệt) và vùng phân bố các cơ sở công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
- Xây dựng và phân tích được bảng số liệu, biểu đồ về tình hình sản xuất và cơ cấu ngành của ngành công nghiệp này.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ Công nghiệp Việt Nam.
- Atlas Địa lí Việt Nam.
- Bảng số liệu, biểu đồ có liên quan.
- Tranh, ảnh, băng hình về sản xuất, sản phẩm của công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

- a) Là một trong những ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chủ yếu dựa vào nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn ở cả trong và ngoài nước.

Ngành công nghiệp này tạo ra nhiều loại hàng hoá thông dụng phục vụ cho nhu cầu trong nước và cho xuất khẩu. Sau khi xoá bỏ cơ chế bao cấp, nhu cầu về hàng tiêu dùng của nhân dân tăng lên rõ rệt cả về số lượng và chất lượng (mẫu mã, chủng loại). Điều đó càng làm gia tăng vai trò của ngành trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của nước ta.

Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng còn sản xuất ra nhiều mặt hàng có giá trị về xuất khẩu. 2 trong số 9 mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch trên 1 tỉ USD/mặt hàng năm 2006 là dệt – may và giày dép. Ước tính năm 2006, hàng dệt – may đạt trị giá hơn 5,8 tỉ USD (chiếm 14,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước), còn hàng giày dép tương ứng là gần 3,6 tỉ USD và xấp xỉ 9%.

b) Nghề dệt, may ở nước ta ra đời rất sớm thông qua các hoạt động thủ công và là một trong hai nghề cơ bản của xã hội : nghề canh cửi. Tuy nhiên, nếu xét về quy mô thì việc hình thành công nghiệp dệt may được tính từ khi nhà máy dệt Nam Định ra đời.

Thế mạnh của ngành này là có nguồn lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ rộng lớn. Còn hạn chế chủ yếu là trang thiết bị chậm đổi mới và thiếu nguyên liệu đối với ngành dệt. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp của cả ngành dệt, may là khá cao, nhưng chủ yếu nhờ vào gia công nguyên liệu cho nước ngoài.

Chỉ tính riêng kim ngạch nhập khẩu trung bình cho 4 mặt hàng phục vụ ngành dệt may là bông, sợi, vải và nguyên phụ liệu đã lên đến vài tỉ USD. Chính vì thế, tỉ lệ giá trị gia tăng của ngành công nghiệp này bị giảm xuống do tăng chi phí đầu vào.

Giữa hai phân ngành dệt và may thì phân ngành may có vị thế khác hẳn. Nhờ sự thay đổi về trang bị, kĩ thuật và khai thác được thị trường mới (Tây Âu, Hoa Kì), số lượng sản phẩm ngày càng gia tăng (chủ yếu là may gia công), mẫu mã, kiểu dáng ngày càng phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và quốc tế.

Hàng dệt, may hiện nay có vị thế quan trọng trong cơ cấu trị giá xuất khẩu của nước ta. Trị giá xuất khẩu hàng dệt, may mới đạt 850 triệu USD năm 1995, rồi liên tục tăng, đạt 1975 triệu USD (13,1% kim ngạch xuất khẩu cả nước)

năm 2001, 2752 triệu USD (16,5%) năm 2002, rồi 3630 triệu USD (18,3%) năm 2003 và 5802 triệu USD (14,6 %) năm 2006.

Mặc dù có những thành tựu to lớn, song đứng trước ngành dệt, may là hàng loạt thách thức cần phải vượt qua. Vì thế, việc đổi mới công nghệ và chuyển nhanh từ hình thức gia công sang tự sản xuất để xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước về mẫu mã, chất lượng, giá thành trở thành yêu cầu cấp thiết.

c) Nghề thuộc da thủ công và công nghệ da đã hình thành ở Hà Nội từ thời Pháp thuộc (1935).

Trên cơ sở nguồn nguyên liệu trong nước với nguồn lao động có tay nghề, ngành da – giày đang được phát triển mạnh. Số sản phẩm sản xuất ra năm 1995 tăng gấp 14,5 lần so với năm 1985 và năm 2005 lại gấp gần 4 lần năm 1995. Điều này được lí giải bởi nhu cầu ngày càng lớn của đông đảo nhân dân trong điều kiện mức sống thường xuyên được cải thiện và bởi thị trường nước ngoài.

Ngoài sản phẩm giày da còn có nhiều xí nghiệp sản xuất giày vải, dép các loại nhằm đáp ứng đòi hỏi của thị trường.

Một phần sản phẩm của công nghiệp da, giày được xuất khẩu với xu hướng ngày càng tăng về giá trị xuất khẩu : 296,4 triệu USD năm 1995, rồi 530 triệu USD năm 1996, đạt 978,4 triệu USD năm 1997, sau đó tăng vọt lên 1578 triệu USD (10,6% kim ngạch xuất khẩu cả nước) năm 2001 ; 1867 triệu USD (11,2%) năm 2002 rồi 2225 triệu USD (11,2%) năm 2003 và 3555 triệu USD (9%) năm 2006.

d) So với những năm trước Đổi mới, công nghiệp giấy, in, văn phòng phẩm phát triển tương đối nhanh. Sự phát triển của ngành trước hết nhằm đáp ứng yêu cầu về văn hoá của mọi tầng lớp nhân dân.

Tuy nhiên, công nghiệp giấy còn gặp nhiều khó khăn về nguồn nguyên liệu. Cả nước mới có 2 nhà máy giấy quy mô lớn là Bãi Bằng và Tân Mai. Sản phẩm làm ra chưa đủ đáp ứng nhu cầu, một phần do chưa khai thác hết công suất và một phần bị giấy ngoại tràn vào cạnh tranh.

Công nghiệp in có bước phát triển vượt bậc. Đó là do việc mở rộng thị trường và đổi mới trang thiết bị. So với năm 1995, số trang in năm 2005 tăng hơn 4,6 lần.

2. Về phương pháp

Phương pháp dạy – học các bài về ngành công nghiệp trọng điểm (bài 34, 35, 36) có những nét tương đồng. GV nên hạn chế sử dụng các phương pháp thuyết trình, diễn giải và tăng cường sử dụng các phương pháp phát huy tính tích cực của HS.

Các phương pháp nên được chú trọng là đàm thoại gợi mở, phát vấn, sơ đồ hoá, thảo luận...

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Nội dung của bài học bao gồm kiến thức về đặc điểm và các phân ngành (dệt – may, da – giày, giấy – in – văn phòng phẩm). Để giúp HS phát hiện kiến thức mới, cần lưu ý đến việc kế thừa kiến thức đã học ở lớp 9 và lớp 12 (phần nông nghiệp).

2. Dưới đây là một số gợi ý về tiến trình tổ chức dạy – học :

a) Sau khi đề dẫn về công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, GV dùng phương pháp đàm thoại gợi mở, phát vấn để HS nắm được đặc điểm của ngành này.

b) Về cơ cấu ngành, thông qua việc kể tên một số sản phẩm, GV hướng dẫn HS lập sơ đồ cấu trúc với các phân ngành như trong SGK (dệt – may, da – giày, giấy – in – văn phòng phẩm).

c) Từ sơ đồ đã lập, GV có thể lựa chọn và sử dụng một trong các cách sau đây :

– Làm việc theo nhóm :

Chia lớp thành 3 nhóm để tìm hiểu từng phân ngành, sau đó GV tổng kết.

– Thảo luận cả lớp :

GV gợi mở, dắt dẫn, phát vấn để HS tìm ra được kiến thức mới liên quan đến từng phân ngành.

– Kết hợp cả hai.

– Các phương pháp khác.

d) Kết thúc bài học, HS phải nắm được đặc điểm, cơ cấu ngành, quy luật phân bố, sự phát triển và phân bố của mỗi phân ngành.

V – THÔNG TIN BỔ SUNG

MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT HÀNG TIÊU DÙNG

Sản phẩm	1995	2000	2005
Sợi (nghìn tấn)	59,2	129,9	259,2
Len đan (nghìn tấn)	1,2	2,7	3,0
Vải lụa (triệu m)	263,0	356,4	560,8
Vải màn sợi bông (triệu m)	46,1	30,0	33,9
Khăn mặt, khăn tay (triệu cái)	276,0	430,6	720,9
Thảm len (nghìn m ²)	307,0	64,4	31,3
Thảm dày (nghìn m ²)	239,0	1406,0	64,5
Quần áo dệt kim (triệu cái)	30,2	45,8	145,6
Quần áo may sẵn (triệu cái)	171,9	337,0	1011,0
Da cứng (tấn)	18,0	97,0	3905,0
Da mềm (triệu bìa)	1,4	4,8	21,4
Giày, dép da (triệu đôi)	46,4	107,9	218,0
Giày vải (triệu đôi)	22,2	32,4	34,2
Giấy, bìa (nghìn tấn)	216,0	408,4	901,2
Trang in (tỉ trang)	96,7	184,7	450,3